

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 173/2020/DS-PT

Ngày: 09 - 6 - 2020

V/v Tranh chấp bồi thường thiệt  
hại do tài sản bị xâm phạm

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hồ Thị Thanh Thúy

*Các Thẩm phán:* Ông Phạm Kim Cua

Ông Lê Văn Phận

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thiên Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Hồng Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 52/2020/TLPT-DS ngày 06 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 74/2019/DS-ST ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 48/2020/QĐPT-DS ngày 14 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:**

1. Ông Phan Văn C, sinh năm 1946

2. Bà Yên Hồng H, sinh năm 1952

Cùng địa chỉ: Số x/1, khu phố x, đường xx/4, phường x, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

**- Bị đơn:** Ông Trương Văn T, sinh năm 1965

Địa chỉ: Số xxx/1E, ấp A, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

**- Người làm chứng:**

1. Ông Phan Văn Q, sinh năm 1989. Địa chỉ: Số xxx, ấp x, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre.

2. Ông Đào Viết B, sinh năm 1944. Địa chỉ: Ấp P, xã P, thành phố B, tỉnh Bến

Tre.

3. Ông Lý Phúc H, sinh năm 1974. Địa chỉ: Số 1xx/2E, ấp A, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng nghị*: Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre.

- *Người kháng cáo*: Bị đơn ông Trương Văn T.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Phan Văn C và Yên Hồng H trình bày:*

Ông C và bà H có 01 máy phát điện mua vào năm 2011 để phục vụ sản xuất chỉ sử dụng khoảng 04 đến 05 lần. Do không còn nhu cầu sử dụng nữa nên ông ba có nhờ ông Lý Phúc H tìm người bán giùm. Vào khoảng 19-20/3/2019 ông H có dẫn ông T đến xem máy nhưng do cúp điện, bình không còn hơi nên không đề máy được. Ông T có hẹn với ông C ngày hôm sau đến để khởi động máy và xin số điện thoại của ông C để khi đến điện thoại cho ông C. Việc trao đổi giữa ông C và ông T có ông H chứng kiến. Tuy nhiên, trưa cùng ngày ông T đã dẫn theo hai người đến cơ sở của ông C, bà H tại số 150C đường Phan Đình Phùng, phường Phú Khương để thử máy. Khi ông T đến nơi chỉ có ông Yên Hoàng Châu là em bà H giữ cơ sở. Ông Châu có kêu ông T gọi điện cho ông C về nhưng ông T không gọi. Do máy phát điện của ông bà đã lâu không sử dụng nên đầu nước đã cạn và nhớt máy bị tuột. Trước khi vận hành máy phải châm đầy đầu máy và bơm nhớt lên bít-tông. Tuy nhiên, ông T lại kêu hai người ra xe tải lấy bình ắc quy tự động câu vô máy phát điện cho nổ máy mà không kiểm tra. Ông T cũng không biết chỗ tắt máy nên sau khi máy nổ một thời gian do không còn nước và nhớt nên máy bị lật đèn, đầu phát điện bị cháy dây đồng. Sau khi xảy ra sự việc, ông T bỏ về, ông C có đến công an phường Phú Khương trình báo sự việc nêu trên. Ông bà đã nhiều lần liên hệ với ông T để giải quyết vấn đề nhưng ông T cố tình tránh mặt, không có thiện chí thương lượng. Do không thỏa thuận được nên ông bà khởi kiện yêu cầu tòa án buộc ông T bồi thường số tiền sửa máy tổng cộng 56.900.000 đồng.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trương Văn T trình bày:*

Ông được ông H giới thiệu đến cơ sở kinh doanh của ông C và bà H để xem máy phát điện và thương lượng việc mua bán với ông C. Ông không nhớ ngày cụ thể, chỉ nhớ lúc đó khoảng 10 giờ sáng, ông đi cùng với ông H đến gặp ông C. Do bình ắc quy của máy phát điện không sử dụng được nên ông hẹn ông C ngày hôm sau sẽ đến khởi động máy để kiểm tra. Ông và ông C có trao đổi số điện thoại để liên lạc việc kiểm tra máy. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, do ông tìm được thợ máy phát điện nên kêu thợ cùng ông đến cơ sở kinh doanh của ông C và bà H để kiểm

tra máy, lúc ông đến có em của bà H mở cửa cho ông vào. Do đã thỏa thuận giá và ông C đã đồng ý bán, khi ông đến nhà có người ở nhà nên ông không có gọi cho ông C. Sau khi khởi động máy được 03 – 04 phút máy xịt khói đen không chạy nữa thì thợ nói với ông là máy này không chạy được. Khi ra về, ông có gặp ông C và nói máy ông C chạy không được, ông C chỉnh lại tôi mới mua. Do ông C đồng ý bán, ông đồng ý mua nên mới tiến hành thử máy. Do đó ông không đồng ý bồi thường số tiền 56.900.000 đồng như ông C và bà H yêu cầu.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, những người làm chứng trình bày:*

- Ông Lý Phúc H: Do quen biết, ông có giới thiệu ông T đến mua máy phát điện của ông C và bà H. Khi ông đưa ông T đến nhà ông C, bà H xem máy phát điện thì bình ắc quy của ông C hết điện, không thể khởi động máy và ông C cũng có việc bận nên ông C và ông T hẹn lại ngày hôm sau sẽ đến thử máy. Ông T có lấy số điện thoại của ông C để tự liên hệ. Sau đó ông và ông T ra về. Sau khi máy phát điện bị hỏng ông C và bà H có nhờ ông qua gọi ông T qua cơ sở bà H và ông C để sửa chữa máy phát điện nên ông gọi ông T nhưng ông T có qua hay không thì ông không nắm được.

- Ông Phan Văn Q: Ông được ông T thuê đến cơ sở kinh doanh của ông C và bà H để kiểm tra máy phát điện. Ông không nhớ rõ ngày nào, chỉ nhớ khoảng 13 giờ, ông và ông T cùng ông Nguyễn Quốc Thanh là người làm trong cơ sở của ông đến cơ sở của ông C và bà H. Khi đến nơi, không có mặt ông C và bà H nhưng có người mở cửa và dẫn ông đến chỗ máy phát điện để khởi động máy. B ắc quy để khởi động máy do ông T đem theo. Trước khi khởi động máy ông có kiểm tra nước, nhót đầy đủ rồi mới khởi động. Máy chạy khoảng 03 phút thì xịt khói đen máy chạy không được nữa nên ông tắt máy và tháo bình ắc quy ra về. Ngoài ra ông không trình bày gì thêm.

- Ông Yên Hoàng Châu: Ông không nhớ rõ ngày nào, chỉ nhớ khoảng 13 giờ ông T cùng hai người đến kiểm tra máy phát điện tại cơ sở của ông C và bà H. Khi đến nơi, không có mặt của ông C và bà H. Ông T nói có điện thoại cho ông C rồi kêu ông dẫn vào kiểm tra máy phát điện. Sau đó ông T và hai người đi cùng kiểm tra và khởi động máy phát điện chạy khoảng 30 phút thì máy phát điện không chạy nữa rồi ra về. Ngoài ra ông không trình bày gì thêm.

- Ông Đào Viết B: Sau khi máy phát điện của ông C và bà H bị hỏng không chạy được thì ông C thuê ông đến cơ sở kinh doanh của ông C và bà H để kiểm tra máy phát điện và kiểm tra phần máy. Riêng phần dây đồng ruột máy phát điện bị cháy ông không có sửa chữa, bên bộ phận điện sửa. Ông cũng cho biết thêm khi khởi động máy phát điện chạy bình thường nhưng sau đó hỏng do lỗi kỹ thuật của

người khởi động. Ngoài ra ông không trình bày gì thêm.

*Sau khi hoà giải không thành, Tòa án nhân thành phố Bến Tre đưa vụ án ra xét xử. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 74/2019/DS-ST ngày 28/11/2019 đã quyết định như sau:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn C và bà Yên Hồng H: Buộc ông Trương Văn T chịu trách nhiệm trả cho ông Phan Văn C và bà Yên Hồng H số tiền 56.900.000 (năm mươi sáu triệu chín trăm nghìn) đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, án phí, quyền và thời hạn kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm,

Ngày 28/11/2019 bị đơn ông Trương Văn T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 02/12/2019 Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre kháng nghị đối với bản án nêu trên theo hướng đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, nguyên đơn không đồng ý kháng cáo của bị đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ chưa toàn diện và đầy đủ; việc xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự chưa chính xác là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Do đó đề nghị căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát, hủy bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông T thừa nhận thời gian các bên thỏa thuận kiểm tra máy phát điện là vào ngày kế tiếp theo liền kề. Ông cho rằng vì nguyên đơn đã đồng ý bán máy phát điện cho ông nên ông có quyền kêu thợ đến thử máy, khi đến có người mở cửa nên ông vào mà không thông báo cho ông C biết. Như vậy, việc ông T dẫn người đến thử máy phát điện là việc làm tự ý, không

có thông báo và chưa được sự đồng ý của ông C, bà H. Mặt khác, việc mua bán tài sản giữa ông C, bà H và ông T vẫn chưa hoàn thành, tài sản vẫn thuộc quyền sở hữu của ông C và bà H, chỉ có ông bà mới có quyền định đoạt đối với tài sản này. Do đó, mọi hành vi của người không phải là chủ sở hữu tài sản tác động lên tài sản mà chưa được sự cho phép của chủ sở hữu tài sản đó gây thiệt hại thì phải bồi thường.

Mặc dù có sự mâu thuẫn giữa lời trình bày của anh Q và ông T cho rằng máy đã hư từ trước do sau khi khởi động máy 3 phút thì máy ngưng hoạt động, trong khi ông Châu cho rằng máy đã hoạt động được một thời gian mới hư (chạy thử 30 phút máy mới ngưng hoạt động). Việc máy bị hư ông T có báo cho ông C biết nhưng ông C cho rằng ông biết được sự việc là do ông Châu báo lại. Thấy rằng, việc máy phát điện có hư từ trước hay không không là căn cứ miễn trừ trách nhiệm bồi thường của bị đơn vì bị đơn đã tự ý thử máy trong khi tài sản vẫn còn thuộc quyền sở hữu của nguyên đơn, chưa được chuyển giao cho bị đơn theo thỏa thuận. Mặc dù anh Q là người cùng ông T khởi động máy nhưng anh không hưởng lợi ích nào từ giao dịch mua bán giữa ông C và ông T cũng như từ việc thử máy mà anh chỉ là người được ông T nhờ đến để thử máy theo yêu cầu của ông T. Hơn nữa ông C cũng xác định chỉ khởi kiện yêu cầu ông T bồi thường chứ không yêu cầu trách nhiệm liên đới đối với những người đi cùng thử máy. Do đó, việc xác định anh Q là người làm chứng mà không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm cũng như phúc thẩm, ông T không đồng ý với nguyên nhân làm hư hỏng máy mà phía nguyên đơn đưa ra cũng như không đồng ý với chi phí bồi thường mà ông C yêu cầu nên đã yêu cầu tạm ngừng phiên tòa để trưng cầu giám định. Tòa án đã có công văn số: 34/2020/CV-TA ngày 26/4/2020 gửi Phân viện KH học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh để yêu cầu Phân viện có ý kiến về việc giám định (kèm theo là tài liệu có liên quan đến tình trạng sau khi hư hỏng của tài sản). Tại công văn số: 277/CV/C09B ngày 19/5/2020, Phân viện KH học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh đã trả lời: "Do máy phát điện lúc hư hỏng đã được đem đi sửa chữa và thay thế nhiều bộ phận, không còn giữ nguyên vẹn. Vì vậy Phân viện KH học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh không đủ điều kiện để giám định nguyên nhân gây hư hỏng máy phát điện tình trạng như trên".

Thấy rằng, ông T tự ý thử máy mà không có sự đồng ý của vợ chồng ông C, làm hư hỏng tài sản của nguyên đơn là ông T có lỗi, ông T phải có trách nhiệm bồi thường. Nhưng để có căn cứ buộc bị đơn phải bồi thường thiệt hại thì đáng lẽ ra khi mới phát hiện sự việc, nguyên đơn phải giữ nguyên hiện trạng hư hỏng của tài sản và trưng cầu giám định, nhờ cơ quan có chức năng xem xét tình trạng thực tế của

máy phát điện để xác định chính xác nguyên nhân dẫn đến hư hỏng cũng như chi phí sửa chữa. Tuy nhiên, ông C đã tự đem máy đi sửa và yêu cầu bị đơn phải bồi thường toàn bộ theo hóa đơn mà ông cung cấp là không phù hợp. Việc giám định nguyên nhân hư hỏng sau khi đã sửa chữa đã được cơ quan có chức năng trả lời là việc không thể thực hiện được. Do đó, cấp sơ thẩm buộc ông T phải có nghĩa vụ bồi thường cho ông C số tiền 56.900.000 (năm mươi sáu triệu chín trăm nghìn) đồng là chưa đủ căn cứ. Tuy nhiên chi phí mà ông C đưa ra là dựa trên hóa đơn chứng từ sửa chữa mà ông đã chi trả trước, đây cũng là căn cứ duy nhất để xác định chi phí bồi thường (vì không thể thực hiện giám định xác định được chi phí). Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm cũng như phúc thẩm, ông T đều cho rằng ông không có lỗi nên không đồng ý bồi thường. Do đó ông cũng không có yêu cầu định giá để xác định chi phí sửa chữa máy phát điện. Vì vậy, 56.900.000 đồng được xem xét chấp nhận là chi phí thực tế sửa chữa máy phát điện.

Do cả ông T và ông C đều có lỗi trong trường hợp này nên việc chịu trách nhiệm cần phân chia theo tỷ lệ 1/2. Theo đó, ông T có trách nhiệm trả cho nguyên đơn 1/2 chi phí sửa chữa mà nguyên đơn đã chi trả là 28.450.000 (hai mươi tám triệu bốn trăm năm mươi nghìn) đồng.

[3] Kháng cáo của ông Trương Văn T có căn cứ chấp nhận một phần. Kháng nghị của Viện kiểm sát là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[4] Do kháng cáo được chấp nhận nên ông Trương Văn T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Quan điểm của Viện kiểm sát không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Trương Văn T.

Sửa bản án Dân sự sơ thẩm số: 74/2019/HNGĐ-ST ngày 18/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre.

Căn cứ Khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, Điều 147, 271, 273 bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 158, 584, 585 Bộ luật Dân sự năm 2015

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Cụ thể tuyên:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn C và bà Yên Hồng H: Buộc ông Trương Văn T chịu trách nhiệm trả cho ông Phan Văn C và bà Yên Hồng H số tiền 28.450.000 (hai mươi tám triệu bốn trăm năm mươi nghìn) đồng.

*Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

2. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Ông Trương Văn T phải chịu 1.422.500 (một triệu bốn trăm hai mươi hai nghìn năm trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Án phí phúc thẩm: Ông Trương Văn T không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn lại cho ông Trương Văn T 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai số 0008389 ngày 02/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre.

*Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại, các Điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Vụ GDKT I TANDTC;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND thành phố Bến Tre;
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký tên và đóng dấu)**

**Hồ Thị Thanh Thúy**

